

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Công Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Xuân Phúc.
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

T ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung - T ký viên tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2021/TLST- HNGĐ ngày 19/7/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/8/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 24/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh Th tại thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là trước khi kết hôn chưa tìm hiểu kỹ về nhau, quá trình sống chung

bất đồng quan điểm sống, Tổng xuyên đánh chửi nhau, mặc dù được hai bên gia đình hòa giải xong không có kết quả. Đến đầu năm 2021 chị N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc nên đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ly thân với anh Th. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/5/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh Th, do khi mâu thuẫn vợ chồng chị N về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Th không cho chị đón con về. Nếu được ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con chung, và không đề nghị anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Th đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh Th biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại bản tự khai và biên bản phiên họp công khai chứng cứ, anh Th thừa nhận những nội dung như trình bày của chị N là đúng, đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh chưa muốn ly hôn, nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung anh không đồng ý để chị N nuôi con, vì cháu hiện đang do anh chăm sóc, anh có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2021 UBND xã Đ xác nhận thông tin về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ chung của vợ chồng đúng như chị N và anh Th trình bày.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

\* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và T ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/5/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu Tòng trú tại thôn L, xã Đ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là đúng quy định. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, phiên tòa đã được hoãn lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/02/2017. Do vậy hôn nhân giữa chị N và anh Th được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh Th hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, hay cãi nhau, bản thân anh Th không chăm lo cho gia đình, từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Th mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có đề nghị tòa án hòa giải, nhưng tại phiên hòa giải anh Th không hợp tác và không ký biên bản, chứng tỏ anh Th không có thiện chí hòa giải hóa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị N và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/5/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu T đang ở với anh Th. Chị N có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T hiện nay dưới 36 tháng tuổi, nguyện vọng nuôi con của chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu T cho chị N chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị N không đề nghị, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227, Điều 228 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**1.** Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N. Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/5/2019, cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi nuôi con. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0003272 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNQ tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
**(đã ký)**

**HỨA CÔNG NGUYÊN**